

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30-12-2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Duy Thị Anh Phương

2. Ông Võ Văn Lục

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thái, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Trần Phương Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn V, xã K, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Thanh T1, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn V, xã K, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/6/2025; biên bản lấy lời khai ngày 12/9/2025; các văn bản trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Bà và ông Phạm Thanh T1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã K, tỉnh Quảng Ngãi) vào năm 2009. Trong quá trình chung sống, giữa bà và ông T1 có nhiều bất đồng, dẫn đến mâu thuẫn kéo dài; bà đã nhiều lần cố gắng đề tiếp tục chung sống với ông T1

nhưng không thành nên bà và ông T1 đã sống ly thân được 08 năm. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Phạm Thanh T1.

- Về con chung: Bà và ông T1 có 03 (ba) con chung tên là Phạm Tấn T2, sinh ngày 11/11/2009; Phạm Nguyễn Hoài A, sinh ngày 25/10/2016 và Phạm Nguyễn Gia H, sinh ngày 22/11/2017. Khi ly hôn, bà yêu cầu Tòa án giao 03 con chung cho bà trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; bà không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 04/8/2025; đơn khởi kiện đề ngày 25/8/2025, bị đơn ông Phạm Thanh T1 trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Thanh T kết hôn vào ngày 26/3/2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P (nay là xã K). Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Đến tháng 3/2025 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, mặc dù ông và bà T đã cố gắng tự hoà giải nhưng không thành, dẫn đến cuộc sống ngày càng căng thẳng, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được; vợ chồng ông đã sống ly thân từ tháng 3/2025 đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, bà T đã quen người đàn ông khác nên mối quan hệ của vợ chồng ông không thể hàn gắn được nữa. Nay, ông nhận thấy không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân để tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Nguyễn Thị Thanh T.

Về con chung: Ông và bà T có 03 (ba) con chung tên là Phạm Tấn T2, sinh ngày 11/11/2009; Phạm Nguyễn Hoài A, sinh ngày 25/10/2016 và Phạm Nguyễn Gia H, sinh ngày 22/11/2017. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

Về tài sản chung: 01 căn nhà 4 x 8m; 01 lô đất 4 x 20m; 02 sổ bảo hiểm nhân thọ, 01 năm đóng 60.000.000đồng, đóng tiền gần 10 năm. Toàn bộ tài liệu, giấy tờ vợ đang nắm giữ, yêu cầu Tòa án giải quyết và chia đều tài sản.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn không chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn ông Phạm Thanh T1; về con chung: Giao 03 (ba) con chung tên là Phạm Tấn T2, sinh ngày 11/11/2009; Phạm Nguyễn Hoài A, sinh ngày 25/10/2016 và Phạm Nguyễn Gia H, sinh ngày 22/11/2017 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng cho con: Bà T không yêu cầu nên không xem xét; về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông T1 có đơn phản tố yêu cầu chia tài sản chung nhưng không sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện theo yêu cầu của Tòa án nên không xem xét; về nợ chung: Bà T và ông T1 trình bày không có nên không xem xét. Bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Phạm Thanh T1 và yêu cầu giao 03 con chung cho bà trực tiếp nuôi. Do đó, cần xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại thời điểm bà Nguyễn Thị Thanh T khởi kiện thì bị đơn ông Phạm Thanh T1 có nơi cư trú tại thôn V, xã K, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Phạm Thanh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Phạm Thanh T1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã K, tỉnh Quảng Ngãi) vào ngày 26/3/2009. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Phạm Thanh T1 đều thừa nhận vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn được và hiện

tại đã sống ly thân; bà T yêu cầu được ly hôn và có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải, đề nghị xét xử vắng mặt; ông T1 đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T và vắng mặt tại các phiên toà, phiên họp nên Toà án không thể hoà giải đoàn tụ được. Từ những nhận định nêu trên, có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng bà T, ông T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu được ly hôn ông T1 là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của các bên đương sự, có căn cứ xác định: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Phạm Thanh T1 có 03 (ba) con chung là Phạm Tấn T2, sinh ngày 11/11/2009; Phạm Nguyễn Hoài A, sinh ngày 25/10/2016 và Phạm Nguyễn Gia H, sinh ngày 22/11/2017. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T và ông T1 đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con.

Xét yêu cầu về nuôi con của bà T và ông T1, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo trình bày của bà Nguyễn Thị Thanh T và các con chung của bà T, ông T1 thì hiện nay 03 con chung của bà T và ông T1 đang sống cùng với bà T và do bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc. Trong quá trình giải quyết vụ án, 03 con chung của bà T và ông T1 đều trình bày có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, để ổn định cuộc sống và quyền lợi tốt nhất cho 03 con chung của bà T và ông T1, cũng như để đáp ứng theo nguyện vọng của 03 con chung của bà T và ông T1, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T, giao 03 con chung của bà T và ông T1 là Phạm Tấn T2, Phạm Nguyễn Hoài A và Phạm Nguyễn Gia H cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: Bà T được giao trực tiếp nuôi 03 con chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Bà T trình bày vợ chồng không có tài sản chung; ông T1 có đơn phản tố yêu cầu chia tài sản chung nhưng không sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện theo yêu cầu của Toà án nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bà T và ông T1 có quyền khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết chia tài sản sau khi ly hôn bằng một vụ án khác.

[2.5] Về nợ chung: Bà T và ông T1 trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà bà T đã nộp.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, các điều 144, 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn ông Phạm Thanh T1.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Phạm Thanh T1 có 03 (ba) con chung là Phạm Tấn T2, sinh ngày 11/11/2009; Phạm Nguyễn Hoài A, sinh ngày 25/10/2016 và Phạm Nguyễn Gia H, sinh ngày 22/11/2017.

Giao 03 con chung Phạm Tấn T2, Phạm Nguyễn Hoài A và Phạm Nguyễn Gia H cho bà Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ông Phạm Thanh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về cấp dưỡng cho con: Bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000048 ngày 10/7/2025 của Thị hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

7. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND KV 6 – Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND xã Khánh Cường;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**Lê Phong****Các thành viên Hội đồng xét xử****Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

